

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 2 (2025-2026)
Lớp học phần: [23401605] - Cầu lông (CCQ2521E)

STT	Thông tin sinh viên					Quá Trình 40%				Đ.THI	TBTk	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp của sinh viên	Hệ số 1		Hệ số 2				
						1	2	1	TBTH			
1	2125030276	Đinh Quốc	An	26/01/2007	CCQ2503A	5.5	5.0	7.0	6.1	5.0	5.5	
2	2125210144	Trần Ngọc Hoài	An	11/10/2007	CCQ2521E	8.5	9.0	8.0	8.4	5.0	6.4	
3	2125210178	Lê Vũ Hoàng	Anh	08/11/2007	CCQ2521E	5.5	5.0	8.0	6.6	5.0	5.7	
4	2125210181	Nguyễn Thái	Anh	11/08/2005	CCQ2521E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
5	2124220029	Nguyễn Thị Hà	Châu	17/10/2006	CCQ2422A	9.5	9.0	9.5	9.4	10.0	9.8	
6	2124220032	Nguyễn Thành	Đạt	15/02/2001	CCQ2422A	9.5	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	
7	2124220028	Nguyễn Thị Nga	Diên	10/05/2005	CCQ2422A	10.0	9.0	9.5	9.5	10.0	9.8	
8	2124220005	Lê Tuấn	Dũng	30/06/2006	CCQ2422A	9.0	9.0	8.5	8.8	7.0	7.7	
9	2125210154	Nguyễn Mỹ	Duyên	18/12/2007	CCQ2521E	9.5	9.5	7.5	8.5	9.0	8.8	
10	2124220004	Trần Khánh	Hà	24/03/2006	CCQ2422A	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	
11	2125210159	Nguyễn Gia	Hân	14/07/2007	CCQ2521E	8.5	8.5	6.5	7.5	4.0	5.4	
12	2125210163	Huỳnh Thị	Hạnh	20/11/2007	CCQ2521E	9.0	8.0	6.5	7.5	8.0	7.8	
13	2125210171	Lý Nhật	Hào	16/04/2007	CCQ2521E	9.5	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	
14	2124060091	Nguyễn Văn	Hào	02/05/2004	CCQ2406C	8.0	8.5	7.0	7.6	6.0	6.7	
15	2125210146	Hoàng Thanh	Hòa	29/10/2007	CCQ2521E	9.5	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	
16	2125210158	Nguyễn Đức Huy	Hoàng	20/12/2007	CCQ2521E	9.0	9.5	9.5	9.4	10.0	9.8	
17	2125210176	Nguyễn Huy	Hoàng	21/11/2007	CCQ2521E	7.5	9.5	8.0	8.3	5.0	6.3	
18	2124220016	Nguyễn Lê Quang	Hung	01/10/2006	CCQ2422A	9.0	9.0	8.0	8.5	4.0	5.8	

19	2124220034	Ngô Thị Thu	Hương	01/05/2006	CCQ2422A	9.5	9.0	9.0	9.1	5.0	6.7	
20	2124220007	Lê Quốc	Huy	30/07/2005	CCQ2422A	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.2	
21	2125030284	Quách Võ Chấn	Huy	12/12/2007	CCQ2503A	8.0	8.5	7.0	7.6	5.0	6.1	
22	2125210150	Phan Võ Thái	Khang	03/09/2007	CCQ2521E	8.5	8.5	8.0	8.3	10.0	9.3	
23	2125210167	Phan Thị Pha	Lê	24/03/2007	CCQ2521E	9.5	9.5	7.0	8.3	4.0	5.7	
24	2125210162	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	13/11/2007	CCQ2521E	9.0	9.0	6.5	7.8	8.0	7.9	
25	2124220025	Huỳnh Quang	Nhật	22/04/2004	CCQ2422A	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	
26	2124350064	Lưu Nguyễn Minh	Nhật	21/04/2006	CCQ2435B	8.0	9.0	8.0	8.3	5.0	6.3	
27	2124100006	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/01/2004	CCQ2410A	8.5	8.5	7.0	7.8	7.0	7.3	
28	2125210157	Phan Thị Mỹ	Nương	07/12/2007	CCQ2521E	8.5	7.5	6.5	7.3	10.0	8.9	
29	2125210161	Đặng Nguyễn Tuấn	Phát	26/09/2005	CCQ2521E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
30	2125210177	Trần Hữu Minh	Phát	29/05/2007	CCQ2521E	8.5	9.0	7.0	7.9	4.0	5.6	
31	2125030044	Võ Thanh	Phát	04/10/2007	CCQ2503A	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	
32	2124100017	Trần Ngọc Thảo	Phương	07/04/2006	CCQ2410A	8.5	8.5	7.0	7.8	9.0	8.5	
33	2124220024	Nguyễn Ngọc	Thạch	10/07/2006	CCQ2422A	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	
34	2125210153	Phạm Thanh	Thảo	30/11/2007	CCQ2521E	9.5	9.0	7.0	8.1	6.0	6.9	
35	2125210164	Đỗ Tiến	Thịnh	27/03/2007	CCQ2521E	9.0	9.0	8.0	8.5	5.0	6.4	
36	2125210184	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	17/07/2007	CCQ2521E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
37	2125210172	Hoa Ngọc Hoài	Thương	21/05/2007	CCQ2521E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
38	2125210156	Võ Thị Kim	Thúy	26/07/2007	CCQ2521E	9.5	9.5	7.0	8.3	5.0	6.3	
39	2125210148	Phạm Nguyễn Mai	Tiên	28/09/2007	CCQ2521E	8.5	9.0	8.0	8.4	10.0	9.4	
40	2125210187	Huỳnh Cao	Toàn	04/12/2007	CCQ2521E	9.5	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	
41	2124120047	Nguyễn Trọng	Toàn	04/12/2006	CCQ2412B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
42	2125210173	Lê Ngọc Phương	Trinh	05/10/2007	CCQ2521E	5.5	5.0	8.0	6.6	4.0	5.1	
43	2124220023	Nguyễn Lam	Tú	15/12/2006	CCQ2422A	8.5	8.5	8.0	8.3	9.0	8.7	
44	2125210169	Nguyễn Quốc	Tỷ	18/10/2007	CCQ2521E	6.0	6.0	8.0	7.0	6.0	6.4	

45	2125210160	Trần Phương	Uyên	30/07/2007	CCQ2521E	9.5	8.5	6.5	7.8	9.0	8.5	
46	2125210152	Lâm Thuý	Vi	01/11/2007	CCQ2521E	8.5	9.0	6.5	7.6	6.0	6.7	
47	2125210180	Nguyễn Thị Kiều	Vy	04/11/2007	CCQ2521E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
48	2124220037	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	22/10/2006	CCQ2422A	9.0	9.5	9.5	9.4	6.0	7.4	
49	2125210145	Trần Như	Ý	24/10/2007	CCQ2521E	8.5	9.5	6.5	7.8	4.0	5.5	
Tổng cộng:						49	367.00	367.00	334.50	350.75	318.50	